

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		39.051.995.465	36.319.325.143
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.055.168.166	3.164.349.666
1. Tiền	111		3.128.668.614	3.164.349.666
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.926.499.552	-
III- Các khoản phải thu	130		5.902.923.322	12.543.672.015
1. Phải thu khách hàng	131		4.283.445.285	1.652.114.410
2. Trả trước cho người bán	132		244.950.500	9.811.449.295
5. Các khoản phải thu khác	135	6	1.374.527.537	1.080.108.310
IV- Hàng tồn kho	140	7	20.949.831.384	19.402.011.928
1. Hàng tồn kho	141		20.949.831.384	19.402.011.928
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.144.072.593	1.209.291.534
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.875.255.565	976.417.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	157.817.028	71.473.795
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	111.000.000	161.400.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		228.822.574.481	188.416.331.024
II- Tài sản cố định	220		206.322.574.481	165.916.331.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	57.201.351.358	79.657.903.876
- Nguyên giá	222		271.733.863.611	269.709.803.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.532.512.253)	(190.051.899.689)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	29.791.243.194	763.809.033
- Nguyên giá	228		31.220.151.921	1.849.141.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.428.908.727)	(1.085.331.978)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	119.329.979.929	85.494.618.115
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22.500.000.000	22.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	22.500.000.000	22.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		267.874.569.946	224.735.656.167

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		104.029.556.124	65.812.006.744
I- Nợ ngắn hạn	310		50.524.303.219	37.540.710.555
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	28.141.290.198	15.014.124.152
2. Phải trả người bán	312		392.188.270	2.103.409.468
3. Người mua trả tiền trước	313		-	327.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	8.486.540.268	7.411.138.507
5. Phải trả người lao động	315		7.523.984.186	7.666.878.239
6. Chi phí phải trả	316	16	967.278.246	857.373.022
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.905.505.566	1.209.086.479
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.107.516.485	3.278.373.688
II- Nợ dài hạn	330		53.505.252.905	28.271.296.189
3. Phải trả dài hạn khác	333		693.700.000	693.700.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	48.322.782.115	23.088.825.399
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.488.770.790	4.488.770.790
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		163.845.013.822	158.923.649.423
I- Vốn chủ sở hữu	410		163.845.013.822	158.923.649.423
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	91.792.900.000	91.792.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	7.905.062.000	7.905.062.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	39.821.688.287	37.157.005.043
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	4.568.428.232	4.027.183.258
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	19.756.935.303	18.041.499.122
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		267.874.569.946	224.735.656.167

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		4,50	91,75
- Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)		66,14	66,14

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Giám đốc

Cao Thanh Dung

Cao Thanh Dung

Tạ Thu Thủy



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013


Mẫu số B02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	347.937.989.492	343.862.084.976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	121.132.096.844	104.286.676.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	226.805.892.648	239.575.408.487
4. Giá vốn hàng bán	11	21	168.435.604.933	180.679.918.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.370.287.715	58.895.490.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	581.778.765	959.775.219
7. Chi phí tài chính	22	23	969.332.316	1.263.299.944
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		969.332.316	1.263.299.944
8. Chi phí bán hàng	24		19.793.041.605	18.817.100.728
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.103.239.174	16.708.397.842
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.086.453.385	23.066.467.008
11. Thu nhập khác	31	25	1.414.909.073	1.606.931.057
12. Chi phí khác	32	25	917.660.026	616.399.561
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	497.249.047	990.531.496
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.583.702.432	24.056.998.504
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	6.035.073.853	6.176.471.848
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.548.628.579	17.880.526.656
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.912	1.948

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014
 Giám đốc


 Cao Thanh Dung


 Cao Thanh Dung


 Tạ Thu Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.583.702.432	24.056.998.504
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	10,11	25.191.395.065	25.603.782.019
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	22	(106.201)	(134.447)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22,24	(604.399.837)	(1.082.368.045)
- Chi phí lãi vay	06	23	969.332.316	1.263.299.944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.139.923.775	49.841.577.975
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.635.251.764	(2.563.074.068)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.547.819.456)	714.613.024
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.420.804.293)	(1.884.481.018)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		35.373.334	833.422.618
- Tiền lãi vay đã trả	13		(957.644.242)	(1.353.666.130)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.306.278.242)	(6.539.442.113)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.225.230.000	19.976.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.777.220.107)	(1.752.482.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.026.012.533	37.316.444.288
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(64.286.024.529)	(48.454.866.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	25	22.727.273	122.727.273
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		551.226.260	959.640.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63.712.070.996)	(47.372.498.624)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		119.609.840.949	81.283.651.977
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(81.248.718.187)	(62.701.987.295)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.784.352.000)	(13.768.935.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.576.770.762	4.812.729.682
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.890.712.299	(5.243.324.654)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	3.164.349.666	8.407.539.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		106.201	134.447
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		9.055.168.166	3.164.349.666

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2013.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Phong	Chủ tịch	
Bà Tạ Thu Thủy	Ủy viên	
Bà Cao Thanh Dung	Ủy viên	
Ông Phạm Quốc Khánh	Ủy viên	
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	bổ nhiệm ngày 16/4/2013
Ông Vương Toàn	Ủy viên	miễn nhiệm ngày 16/4/2013

Ban Giám đốc

Bà Tạ Thu Thủy	Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Cao Thanh Dung	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm khoản chưa thanh toán cho người bán, số tiền 465.509.013 VND. Vì vậy, các khoản đã được điều chỉnh tương ứng vào chi tiêu Tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm khoản tăng từ TK 142 – Chi phí trả trước ngắn hạn điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế ngày 14/8/2013 của Cục Thuế Hải Phòng, số tiền 58.830.800 VND, được điều chỉnh tương ứng vào chi tiêu Tăng, giảm chi phí trả trước.

Giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, số tiền 28.802.663 VND (đã phân bổ hết vào chi phí trong năm), được điều chỉnh tương ứng vào chi tiêu Tăng, giảm chi phí trả trước.

Người lập biểu


Cao Thanh Dung

Kế toán trưởng


Cao Thanh Dung



Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Giám đốc


Tạ Thu Thủy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Tạ Thu Thủy

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014